



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 39
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 39

393

NG
Ổ PH
P N
JNS

1-TP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL tiền thân là Nhà máy thép Nhà Bè - đơn vị trực thuộc Công ty Thép Miền Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè theo quyết định số 2253/QĐ-BCN ngày 29 tháng 06 năm 2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103008871 ngày 25 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 25 tháng 04 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 56 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Việt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/04/2023
Ông Nguyễn Văn Chánh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 12/04/2023
Ông Nguyễn Hữu Khánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Tính	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/04/2023
Ông Phạm Công Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/04/2023
Bà Nguyễn Thúy Ly	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/04/2023
Ông Lê Xuân Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/04/2023
Ông Võ Trí Nghĩa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/04/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Tính	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/04/2023
Ông Lê Việt	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/04/2023
Ông Nguyễn Hữu Khánh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/04/2023
Ông Đỗ Ngọc Bằng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/03/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Thiệu	Trưởng ban
Ông Bùi Văn Vĩnh	Thành viên
Bà Cù Thị Thùy Linh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Tính

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2024



Số: 060224.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL được lập ngày 06 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2024

Đào Trung Thành
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2024-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		312.800.353.544	252.342.892.725
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	14.987.570.802	13.997.494.671
111	1. Tiền		14.987.570.802	13.997.494.671
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		97.255.468.087	72.157.361.651
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	96.855.290.080	71.482.042.100
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	196.719.183	387.886.255
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	203.458.824	287.433.296
140	IV. Hàng tồn kho	07	169.979.965.736	151.539.747.518
141	1. Hàng tồn kho		169.979.965.736	151.539.747.518
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		30.577.348.919	14.648.288.885
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	624.458.332	875.947.920
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		29.643.266.578	13.505.551.096
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	309.624.009	266.789.869
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		95.846.141.160	113.051.928.467
220	II. Tài sản cố định		93.764.137.591	112.836.424.850
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	93.764.137.591	112.768.262.350
222	- Nguyên giá		345.591.013.157	346.367.482.761
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(251.826.875.566)	(233.599.220.411)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	68.162.500
228	- Nguyên giá		570.000.000	570.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(570.000.000)	(501.837.500)
230	III. Bất động sản đầu tư	11	-	-
231	- Nguyên giá		1.478.303.812	1.478.303.812
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.478.303.812)	(1.478.303.812)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.559.181.119	105.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	08	1.559.181.119	105.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		522.822.450	110.503.617
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	522.822.450	110.503.617
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		408.646.494.704	365.394.821.192

1111
CÔNG
NHỆM
KIỂM
AS
KIỂM

0305
CÔ
CỔ
THÉP
-V
QUẬN 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		228.441.389.994	186.966.182.034
310	I. Nợ ngắn hạn		228.441.389.994	185.845.271.313
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	60.311.100.679	30.062.091.477
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	309.922.145	10.580.540
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.041.485.648	-
314	4. Phải trả người lao động		7.396.294.803	5.920.439.611
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.789.702.206	2.870.893.065
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.179.554.226	2.363.904.252
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	153.395.187.647	144.476.616.128
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		18.142.640	140.746.240
330	II. Nợ dài hạn		-	1.120.910.721
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	-	1.120.910.721
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		180.205.104.710	178.428.639.158
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	180.205.104.710	178.428.639.158
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		144.900.000.000	144.900.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		144.900.000.000	144.900.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		7.279.359.369	7.279.359.369
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		15.890.084.554	15.890.084.554
415	4. Cổ phiếu quỹ		(1.230.000)	(1.230.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		4.462.987.068	4.462.987.068
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.673.903.719	5.897.438.167
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.897.438.167	14.282.715.396
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.776.465.552	(8.385.277.229)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		408.646.494.704	365.394.821.192

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Nguyễn Quốc Anh Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tính
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.457.624.191.403	2.012.251.346.658
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	9.987.855.851	19.787.845.914
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.447.636.335.552	1.992.463.500.744
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.384.961.064.859	1.935.001.502.005
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		62.675.270.693	-57.461.998.739
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.187.562.603	4.149.959.862
22	7. Chi phí tài chính	25	16.330.944.007	16.785.024.805
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		14.299.666.286	14.292.640.437
25	8. Chi phí bán hàng	26	12.835.767.091	18.122.691.691
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	33.165.798.516	34.825.513.286
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.530.323.682	(8.121.271.181)
31	11. Thu nhập khác	28	841.819.062	753.807.436
32	12. Chi phí khác	29	554.191.544	1.017.813.484
40	13. Lợi nhuận khác		287.627.518	(264.006.048)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.817.951.200	(8.385.277.229)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	1.041.485.648	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.776.465.552	(8.385.277.229)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	123	(681)

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Nguyễn Quốc Anh Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tính
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.817.951.200	(8.385.277.229)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		19.522.287.259	19.911.058.806
03	- Các khoản dự phòng		-	(300.464.350)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		42.995.337	834.213.833
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(86.027.585)	(23.875.044)
06	- Chi phí lãi vay		14.299.666.286	14.292.640.437
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		36.596.872.497	26.328.296.453
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(41.322.110.206)	64.476.697.500
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(18.440.218.218)	166.601.713.487
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		32.819.449.514	(54.988.577.917)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(160.829.245)	(610.739.220)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(14.355.037.349)	(14.274.686.634)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(885.580.226)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(122.603.600)	(2.362.590.327)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.984.476.607)	184.284.533.116
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.904.181.119)	(1.092.490.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		67.454.545	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.573.040	23.875.044
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.818.153.534)	(1.068.614.956)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	349.701.360
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(1.230.000)
33	3. Tiền thu từ đi vay		1.410.068.957.061	1.871.753.592.684
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.402.271.296.263)	(2.041.841.510.512)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.413.337)	(7.462.121.569)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		7.792.247.461	(177.201.568.037)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		989.617.320	6.014.350.123


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.997.494.671	7.986.643.835
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		458.811	(3.499.287)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>14.987.570.802</u>	<u>13.997.494.671</u>


Nguyễn Thị Phương
Người lập


Nguyễn Quốc Anh Dũng
Kế toán trưởng


Nguyễn Minh Tính
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2024

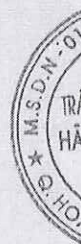


305
CÔ
CÔ
THÉ
-V
AN 1

THƯ QUẢN LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ – VNSTEEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL

Thưa Quý Ban,

Chúng tôi đã hoàn thành cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi đã xem xét các khía cạnh quan trọng của hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ để từ đó hình thành ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Công ty. Mục đích chính của công việc này không phải để phát hiện các nhược điểm, tìm kiếm gian lận và sai sót của Công ty mà để giúp chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán của mình và do đó không nên dựa vào đây để kết luận là không tồn tại những nhược điểm khác. Kèm theo đây chúng tôi xin gửi tới Quý Ban những ý kiến nhận xét và đề xuất của chúng tôi nhằm giúp Công ty hoàn thiện hơn hệ thống kế toán, hệ thống kiểm soát nội bộ và khắc phục những điểm yếu mà chúng tôi nhận thấy trong quá trình kiểm toán.

Các vấn đề trình bày trong Thư quản lý này chỉ liên quan đến những vấn đề chúng tôi thấy cần lưu ý trong quá trình tiến hành công việc kiểm toán thông thường. Và vì vậy, những nhận xét này không phải là tất cả những nhận xét, đánh giá mà một cuộc kiểm toán toàn diện có thể đưa ra.

Thư quản lý này chỉ phục vụ cho mục đích sử dụng của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL và không nhằm mục đích cung cấp thông tin cho bất cứ bên thứ ba nào sử dụng. Vì vậy việc cung cấp Thư này cho bên thứ ba sử dụng mà chưa có sự đồng ý bằng văn bản của chúng tôi là không phù hợp và trong trường hợp đó chúng tôi sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ quyết định nào của bên thứ ba do đã sử dụng bản sao của Thư quản lý này.

Nhân dịp này, chúng tôi chân thành cảm ơn Ban Tổng Giám đốc, Phòng Kế toán và các nhân viên của Công ty về sự hợp tác, giúp đỡ đối với chúng tôi trong quá trình kiểm toán.



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Nội dung	Trang
Phần I - Các phát hiện năm nay	4 - 5
1. Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	4
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận không đúng kỳ	4
3. Chi phí loại trừ tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	5



PHẦN I - CÁC PHÁT HIỆN NĂM NAY

1. Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm

Kiểm tra

Qua kiểm tra, Đoàn kiểm toán nhận thấy Công ty đã thực hiện đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phù hợp với quy định hiện hành. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện bù trừ lãi - lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm, cụ thể như sau:

+ Kết chuyển đánh giá lại tiền gửi gốc ngoại tệ (TK112):

Nợ TK 413 / Có TK 515: 458.811 VND

+ Kết chuyển đánh giá lại khoản phải thu gốc ngoại tệ (TK 131 dư Nợ):

Nợ TK 635 / Có TK 413: 43.454.148 VND

Khuyến nghị

Đoàn kiểm toán kiến nghị Công ty bù trừ lãi - lỗ chênh lệch tỷ giá sau khi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm nhằm đảm bảo số liệu trên báo cáo tài chính phản ánh phù hợp.

Bút toán đề nghị điều chỉnh:

Nợ TK 515 / Có TK 635: 458.111 VND

Ý kiến của đơn vị

Công ty ghi nhận ý kiến của đoàn kiểm toán.

2. Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận không đúng kỳ

Kiểm tra

Tại thời điểm kiểm toán, Đoàn kiểm toán nhận thấy Công ty chưa ghi nhận một số chi phí phát sinh trong tháng 12/2023 vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm như chi phí cước cầu đường, cước dịch vụ, phí bảo vệ, xử lý thải. Các chi phí này Công ty đang ghi nhận trong tháng 1/2024.

Khuyến nghị

Đoàn kiểm toán kiến nghị Công ty ghi nhận bổ sung vào chi phí tháng 12/2023 để đảm bảo chi phí được ghi nhận đầy đủ và đúng kỳ.

Bút toán đề nghị điều chỉnh:

Nợ TK 642 / Có TK 335: 59.781.101 VND

Ý kiến của đơn vị

Công ty ghi nhận ý kiến của đoàn kiểm toán.

3. Chi phí loại trừ tính thuế Thu nhập doanh nghiệp

Kiểm tra

Qua kiểm tra, Đoàn kiểm toán nhận thấy trong năm Công ty có phát sinh xuất hàng biếu tặng cho khách hàng, tuy nhiên chưa kê khai loại trừ chi phí phần thuế GTGT đầu ra tương ứng của các nghiệp vụ này khi tính thuế TNDN.

Khuyến nghị

Theo Khoản 2.37 Điều 2 Thông tư 96/2015/TT-BTC có quy định về các chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN như sau:

"2.37. Thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được khấu trừ hoặc hoàn thuế; thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định là ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống vượt mức quy định được khấu trừ theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng; thuế thu nhập doanh nghiệp trừ trường hợp doanh nghiệp nộp thay thuế thu nhập doanh nghiệp của nhà thầu nước ngoài mà theo thỏa thuận tại hợp đồng nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài, doanh thu nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài nhận được không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân trừ trường hợp doanh nghiệp ký hợp đồng lao động quy định tiền lương, tiền công trả cho người lao động không bao gồm thuế thu nhập cá nhân."

Do đó, Đoàn kiểm toán kiến nghị Công ty kê khai bổ sung loại các chi phí thuế GTGT của hàng biếu tặng khi tính thuế TNDN.

Ý kiến của đơn vị

Công ty ghi nhận ý kiến của đoàn kiểm toán.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN THÉP TRẢ
CHẬM**

Hợp đồng số : /HĐTC-TMN

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng năm 2024, tại Văn phòng Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL, đại diện 2 đơn vị gồm:

Bên Bán: CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH - CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ – VNSTEEL(sau đây gọi tắt là Bên A)

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Số GCNĐKHCN : 0305393838-001 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 10/05/2023.

Điện thoại : 0251 3569 672 Fax : 0251 3569 673

Mã số thuế : 0305393838-001

Tài khoản : - 1110 0010 6412 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam –CN Nhơn Trạch, Đồng Nai.

- 1100 0000 5226 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam –CNI, TP.HCM.

- 3101 0000 793619 tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – CN TP.HCM.

Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

Do Ông : **NGUYỄN MINH TÍNH** - Giám Đốc làm đại diện

Bên Mua: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THÉP MIỀN NAM – VNSTEEL
(sau đây gọi tắt là Bên B)

Địa chỉ : KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Số GCNĐKDN : 3502269994 đăng ký lần đầu ngày 10/12/2014, thay đổi lần thứ 6 ngày 11/01/2023.

Điện thoại : 0254.3922091 Fax : 0254.3921005

Mã số thuế : 3502269994

Do Ông : **NGUYỄN NGUYỄN NGỌC** – Tổng giám đốc làm đại diện.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng năm 2024 với nội dung như sau:

Điều 1: Sản phẩm, số lượng, giá bán và giá trị hàng hóa:

1.1 Sản phẩm:

- Hàng tháng Bên A bán cho Bên B các sản phẩm thép do bên A sản xuất.
- Các sản phẩm thép của Bên A được sản xuất theo tiêu chuẩn tương đương tiêu chuẩn Nhật (JIS), Mỹ (ASTM), Nga (GOST), Việt Nam (TCVN). Bên A cung cấp cho Bên B các sản phẩm có chất lượng đúng với tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa đã công bố.
- Bên A cung cấp các thông số kỹ thuật, các chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận chất lượng các sản phẩm của Bên A khi Bên B yêu cầu.

1.2 Số lượng:

Số lượng và quy cách được xác định theo từng lần đặt hàng căn cứ theo lệnh xuất hàng do bên B lập.

Lệnh xuất hàng là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

1.3 Đơn giá và giá trị hàng bán:

1.3.1. Giá bán nội địa:

- Đơn giá sẽ căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm và được thể hiện bằng văn bản được xác nhận bởi hai bên. Văn bản xác nhận giá là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này.

1.3.2. Giá bán xuất khẩu:

- Lệnh xuất hàng có ghi số hợp đồng “Annex No...” tại mục “Mã hợp đồng” được áp dụng giá bán xuất khẩu trên Thông báo giao hàng xuất khẩu do Bên B lập có xác nhận của Bên A được tính bằng USD quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua vào chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại ngày hoàn tất việc giao hàng, trừ chi phí phí thủ tục Hải quan là 15.000 đồng/tấn và trừ 15.000 đồng/tấn chi phí cảng biển nếu xuất khẩu tại khu vực TPHCM.

Điều 2. Phương thức giao nhận

- Địa điểm giao nhận:

+ Đối với giao hàng bằng đường bộ: địa điểm giao nhận tại kho của bên A, trên phương tiện của bên B.

+ Đối với giao hàng bằng đường thủy: địa điểm giao nhận tại cảng ở các khu vực Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, và TP. Hồ Chí Minh, trên phương tiện của bên B.

+ Các hình thức giao nhận khác sẽ được thỏa thuận giữa 2 bên bằng phụ lục hợp đồng.

- Bốc xếp: Phương tiện vận chuyển do bên B điều động, bốc hàng lên phương tiện do Bên A chịu.

- Phương thức giao nhận: Bên A xuất hàng theo chỉ định của Bên B, thể hiện bằng

Lệnh xuất hàng của Bên B phát hành. Bên B cử người đại diện làm thủ tục nhận hàng tại nhà máy Bên A. Sau khi hoàn tất thủ tục giao nhận, căn cứ theo chứng từ xác định khối lượng và văn bản thỏa thuận giá tại thời điểm giao hàng, Bên A xuất hóa đơn GTGT cho Bên B.

- Kể từ thời điểm hoàn tất giao nhận hàng, bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về số lượng hàng đã nhận của bên A.

Điều 3. Phương thức thanh toán.

- Bên A đồng ý bán sản phẩm cho bên B theo phương thức bán hàng tín chấp với hạn mức nợ là: 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*).

- Khi đến hạn thanh toán, Bên B thanh toán 100% giá trị của hóa đơn GTGT đã xuất bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng của Bên A hoặc thanh toán bằng hình thức Biên bản bù trừ công nợ mua, bán giữa hai Bên (nếu có).

- Ngày đến hạn thanh toán của các hóa đơn xuất bán hàng theo Lệnh xuất hàng nội địa là ngày thứ 04 kể từ ngày xuất hóa đơn.

- Ngày đến hạn thanh toán của các hóa đơn bán hàng theo Lệnh xuất hàng xuất khẩu là ngày thứ 40 kể từ ngày xuất hóa đơn.

- Nếu ngày đến hạn thanh toán là các ngày thứ Bảy, Chủ nhật, các ngày Lễ theo quy định của Nhà nước thì ngày đến hạn là ngày làm việc kế tiếp.

- Quá thời hạn thanh toán, ngoài nợ gốc, bên B phải thanh toán cho bên A tiền lãi chậm trả tính trên phần nợ quá hạn theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng 3%/năm, trong trường hợp bên B trả nợ trước hạn bên B được hưởng tiền lãi trả trước hạn tính trên phần tiền trả trước hạn theo lãi suất tính trả chậm và được bù trừ khi tính tiền lãi trả chậm.

Điều 4. Trách nhiệm của hai bên

4.1 Trách nhiệm của bên A:

- Cung cấp kịp thời các sản phẩm, đúng quy cách và chủng loại theo yêu cầu của Bên B trong khả năng của Bên A.

- Cung cấp kịp thời các thay đổi về giá bán sản phẩm cho Bên B.

- Đổi lại các sản phẩm bị hư hỏng trong quá trình bốc xếp do phía Bên A gây ra hay các sản phẩm không đúng tiêu chuẩn mà bên B yêu cầu trong thời gian ngắn nhất có thể.

4.2 Trách nhiệm của bên B:

- Nhanh chóng thỏa thuận giá cả mỗi khi bên A có đề nghị điều chỉnh giá.

- Thanh toán tiền mua hàng cho Bên A đúng hạn.

- Phối hợp cùng Bên A quảng cáo, giới thiệu các sản phẩm của Bên A.

- Hỗ trợ cho Bên A những thông tin trung thực của thị trường như: Tình hình tiêu thụ, giá cả biến động, lượng hàng tồn đọng, các yêu cầu về chất lượng ...

Điều 5. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp.

- Khi có phát sinh tranh chấp về việc thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết.

- Nếu các tranh chấp không tự giải quyết được bằng thương lượng hoặc bằng hòa giải thì hai bên thống nhất đưa ra xét xử ở tòa án có thẩm quyền tại TP. Hồ Chí Minh.

Điều 6. Thời gian hiệu lực của hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày _____ đến hết ngày 31/12/2024.

Điều 7. Điều khoản chung

- Hai bên có trách nhiệm thực hiện đúng các điều khoản đã nêu trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh khó khăn hay trở ngại thì các bên có trách nhiệm thông báo cho nhau, trong vòng 07 ngày hai bên tổ chức cuộc họp để thảo luận và cùng hợp tác để giải quyết. Hợp đồng chỉ được sửa đổi khi hai bên cùng đồng ý và ký phụ lục hợp đồng để thực hiện.

- Các phụ lục hợp đồng là phần không tách rời của hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản đều có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP

DỰ THẢO

Số : /HĐ 2024/VCS-TNB

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024 tại Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, đại diện hai bên là:

Bên A(Bên bán) : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL

- Do ông : **HUYỀN CÔNG DU** - Tổng Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : KCN Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : (0251) 3836.148 - Fax: (0251)3836.505
- Tài khoản : 10201.0000.601078-NH TMCP Công Thương CN1, Tp Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 3600961762

Bên B (Bên mua): CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH-CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

- Do ông : **NGUYỄN MINH TÍNH** - Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II-Nhon Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
- Số giấy phép ĐKKD: **0305393838-001** đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 04/01/2012.
- **Chủ TK : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ -VNSTEEL**
- Tài khoản : 111000106412- NH TMCP Công Thương VN-CN Nhơn Trạch.
- Hoạch TK số : 31010000793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN Tp.HCM.
- Điện thoại : (0251) 3569.672 - Fax: (0251)3569.673.
- Mã số thuế : 0305393838-001.

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán phôi thép với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HOÁ - QUY CÁCH, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, XUẤT XỨ HÀNG HOÁ

Bên A đồng ý bán và giao hàng, Bên B đồng ý mua và nhận hàng phôi thép với quy cách và trọng lượng như sau:

1.1 Mô tả hàng hóa: **Phôi thép CT51 hoặc CT34.**

1.2 Kích cỡ : 120 x 120 x 6.000 mm.

1.1 Số lượng: Theo từng đơn hàng có Phụ lục thống nhất theo từng tháng.

1.2 Thành phần hóa học:

- Mác CT51; CT34: Theo TCVN 1765:1975.

1.3 Yêu cầu kỹ thuật:

- Đơn trọng : 669(0,+4) Kg.

- Dung sai về kích cỡ : +/- 4 mm.
- Chênh lệch đường chéo : 12 mm max.
- Bề mặt không có vết nứt, gập nếp, hở, hai đầu không có lỗ thủng.
- Đánh dấu: Thanh phiê phải được sơn số mễ và sơn màu xanh lục đầu thanh đôi với CT51; màu đỏ đôi với CT34.
- Hàng rời hoặc đóng bó theo tiêu chuẩn của Công Ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL.
- Xuất xứ: Công Ty Cổ phần Thép VICASA – VNSTEEL - KCN Biên Hòa 1, Đường số 9, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ

2.1 Đơn giá được thể hiện cụ thể trên Báo giá và Phụ lục đính kèm theo từng đơn hàng.

ĐIỀU 3 : THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

3.1 **Thời gian giao hàng** : Thỏa thuận theo các đơn hàng mỗi tháng, được thể hiện trên Báo giá.

3.2 **Địa điểm giao hàng**: Trên phương tiện vận chuyển của Bên A tại kho Bên B (KCN Nhơn Trạch 2-Nhơn Phú, Xã Phú Hội - Huyện Nhơn Trạch - Tỉnh Đồng Nai).

3.3 **Cơ sở xác định trọng lượng**:

- Căn cứ số lượng xác tịnh qua cân của Bên B, hai bên cùng tổng hợp, lập Biên bản giao nhận hàng hóa được đại diện có thẩm quyền ký xác nhận ngay sau khi Bên A hoàn tất việc giao hàng.
- Trong trường hợp nghi ngờ và/hoặc phát hiện hàng có tổn thất, trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản nhận hàng, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A để kịp thời dự kháng khiếu nại và có biện pháp xử lý.

ĐIỀU 4: LẬP HÓA ĐƠN & THANH TOÁN

4.1 **Lập hóa đơn**: Số lượng hàng hóa trên hóa đơn là số lượng trên Biên bản giao nhận đã được đại diện có thẩm quyền hai bên ký xác nhận.

4.2 **Phương thức thanh toán**: Chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ (nếu có).

4.3 **Thời hạn thanh toán**: Bên B sẽ thanh toán cho Bên A toàn bộ giá trị của lô hàng sau khi hoàn tất việc giao nhận và bên B nhận được đầy đủ các chứng từ sau:

- + Hóa đơn GTGT điện tử.
- + Biên bản giao nhận.
- + Bảng Thành phần hóa học của lô hàng.
- Thời gian từ 0-10 ngày: Lãi suất 0%
- Từ 11-60 ngày: Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền lãi chậm trả tính trên phần nợ quá hạn theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương CN TP.HCM cộng 3%/năm.
- Từ ngày thứ 61-90: Lãi suất áp dụng bằng 150% so với lãi suất vay trên.

ĐIỀU 5: VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

5.1 **Vi phạm Hợp đồng**: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

5.2 **Phạt vi phạm Hợp đồng**: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, phải bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia.

Phạt vi phạm giao nhận Hàng hóa:

- a) Nếu đến thời hạn giao Hàng hóa, mà Bên A không giao và/ hoặc giao không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên A phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị số Hàng hóa không giao và/ hoặc giao không đủ. Đồng thời, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm. Tiền phạt, sẽ được căn trừ vào công nợ tại thời điểm thanh toán.
- b) Nếu đến thời điểm giao Hàng hóa, mà Bên B từ chối nhận hàng và/ hoặc nhận không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên B phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị Hàng hóa mà Bên B từ chối nhận. Đồng thời, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 6: GIÁM ĐỊNH SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG

6.1 Số lượng, trọng lượng: Theo Biên bản giao nhận hàng hóa giữa hai bên.

Trường hợp Bên B nghi ngờ chất lượng phối thép Bên A giao cho Bên B không đạt chất lượng quy định tại Điều 1, Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký biên bản giao nhận hàng. Hai bên tiến hành thương lượng bằng hình thức đối hàng trên nguyên tắc hợp tác hữu hảo.

Trường hợp không thương lượng được, Bên A sẽ mời đơn vị giám định độc lập thực hiện giám định hàng hóa. Kết quả giám định là cơ sở giải quyết khiếu nại. Nếu kết quả giám định không phù hợp với quy định của hợp đồng, chi phí giám định do Bên A chịu; nếu kết quả giám định phù hợp với quy định của hợp đồng, chi phí giám định do Bên B chịu.

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

7.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Giao hàng cho Bên B đủ số lượng, đúng chất lượng và đúng thời hạn theo quy định của Hợp đồng này và (các) phụ lục (nếu có).
- Đảm bảo rằng hàng hóa được mua bán theo Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A và cam đoan rằng hàng hóa hiện không có nguy cơ là đối tượng bị tranh chấp.
- Phát hành đầy đủ và kịp thời hoá đơn GTGT điện tử và các tài liệu khác liên quan đến hàng hóa theo quy định của Hợp đồng này.
- Trong suốt quá trình giao hàng tại Nhà máy của Bên B, Bên A phải đảm bảo rằng mọi nhân sự của Bên A và/hoặc Bên thứ ba theo chỉ định của Bên A tham gia vào quá trình giao nhận hàng sẽ nghiêm chỉnh tuân thủ mọi nội quy và quy trình nội bộ của Bên B cũng như hướng dẫn của Bên B. Trường hợp nhân sự của Bên A và/hoặc Bên thứ ba theo chỉ định của Bên A vi phạm nội quy và quy trình nội bộ của Bên B mà gây tổn thất cho Bên B, thì Bên A cam kết sẽ chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất (nếu có) cho Bên B do hành vi vi phạm gây ra.

7.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A kế hoạch nhận hàng trước 3 ngày làm việc. Khi Bên A thông báo giao hàng, Bên B có trách nhiệm bố trí kho bãi, nhân lực chuẩn bị tiếp nhận hàng.
- Phối hợp với Bên A để giao nhận hàng hóa, đảm bảo giải phóng phương tiện của Bên A kịp tiến độ. Nếu Bên B chậm dỡ hàng và/hoặc kéo dài thời gian dỡ hàng, Bên B phải chịu mọi chi phí động vốn, chi phí quản lý và chi phí vận tải, chi phí lưu xe phát sinh do việc chậm dỡ hàng gây ra.

- Thanh toán đúng thời hạn theo quy định tại Điều 4.3 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu bên nào có khó khăn, vướng mắc thì thông báo cho bên kia biết để cùng phối hợp giải quyết.
- Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng đều được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần tôn trọng và hợp tác, bình đẳng, đôi bên cùng có lợi. Nếu không giải quyết được sẽ chuyển đến Tòa Kinh tế thuộc Tòa án nhân dân Tỉnh Đồng Nai để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực hiện. Án phí do bên thua kiện chịu.
- Mọi sửa đổi bổ sung trong thời gian hiệu lực của hợp đồng phải được sự nhất trí của hai bên và lập thành văn bản. Văn bản, phụ lục bổ sung (nếu có) là một phần không thể tách rời của hợp đồng.
- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024.
- Sau 30 ngày kể từ ngày các bên đã hoàn tất các nghĩa vụ của mình và không có tranh chấp xảy ra thì hợp đồng được mặc nhiên thanh lý.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản có nội dung và giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP

DỰ THẢO

Số : /HĐ2024/TNB-VKC

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai Bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024 tại H.Nhon Trạch-T.Đồng Nai, đại diện hai bên là:

Bên A (Bên mua): CN NHƠN TRẠCH-CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

- Do ông : NGUYỄN MINH TÍNH - Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II-Nhon Phú, Phú Hội, Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
- Số giấy phép ĐKKD: 0305393838-001 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 04/01/2012.
- Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ -VNSTEEL
- Tài khoản : 111 000 106412 – NHTMCP Công Thương VN – CN Nhơn Trạch, Đồng Nai.
- Hoạch TK số : 31010 000 793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN Tp.HCM
- Điện thoại : 0251.356 9672 - Fax: 0251.356 9672
- Mã số thuế : 0305 393 838-001.

Bên B (Bên bán) : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC-VNSTEEL

- Do ông : NGUYỄN XUÂN TIẾN - Tổng Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : Km9 xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Tp. HCM.
- Điện thoại : (028) 38969612-37312466 - Fax: (028) 37310154
- Tài khoản : 115000005273 Ngân Hàng Công Thương CN1, Tp Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 0305409326

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán phôi thép năm 2024 với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HÓA, QUY CÁCH, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, GIÁ CẢ, XUẤT XỨ

1.1 Hàng hóa:

- Hàng tháng, Bên B bán cho Bên A các sản phẩm phôi thép do Bên B sản xuất dựa theo nhu cầu của Bên A và khả năng cung cấp của bên B.
- Các sản phẩm phôi thép của bên B được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt nam (TCVN), tiêu chuẩn Nhật (JIS)
- Bên B cung cấp đầy đủ các thông số kỹ thuật, các chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận chất lượng các sản phẩm của Bên B khi bên A yêu cầu.
- Yêu cầu về kỹ thuật:

- + Dung sai về chiều rộng: +/-2%
 - + Chênh lệch đường chéo: 12mm max
 - + Độ xoắn: 2 độ/mét max
 - + Độ cong cho phép/*camber*: 10mm/m max
 - + Bề mặt không bị nứt, gập nếp, hai đầu phôi không có rỗ co, phôi không rỗ bên trong
 - + Đóng gói: Hàng rời theo tiêu chuẩn của nhà máy.
 - + Đánh dấu: Số lô, số mẻ sản xuất được ghi rõ ở đầu mỗi thanh phôi.
- Xuất xứ: Công ty CP Thép Thủ Đức-Vnsteel; địa chỉ: Km9 Xa lộ Hà nội, phường Trường Thọ, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM

1.2 Số lượng, quy cách:

Số lượng và quy cách sản phẩm phôi thép được xác định theo nhu cầu hàng tháng của bên A và khả năng cung cấp của Bên B. Cơ sở xác định trọng lượng: Là trọng lượng phôi thép thực tế theo cân điện tử tại nhà máy Bên mua. Các bên sẽ cử đại diện giám sát việc giao nhận hàng và cùng ký xác nhận bằng Biên bản giao nhận hàng.

1.3 Đơn giá:

Đơn giá sẽ căn cứ theo thỏa thuận giữa hai Bên tại từng thời điểm và được thể hiện bằng Phụ lục hợp đồng được ký xác nhận bởi hai Bên.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

1. Địa điểm giao hàng: Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty CP Thép Nhà Bè - KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

2. Phương thức giao hàng: Bên B giao hàng cho Bên A trên phương tiện vận tải của Bên B tại kho Bên A làm một/ nhiều đợt. Bên B có trách nhiệm thông báo thời gian và lượng hàng giao để Bên A bố trí người và phương tiện nhận hàng.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Bên B đồng ý bán sản phẩm phôi thép cho bên A theo phương thức bán hàng tín chấp với hạn mức nợ không quá 45.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ đồng)

3.2 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

3.3 Thời hạn thanh toán:

- Giá trị hàng hóa được thanh toán theo từng đợt giao hàng dựa trên khối lượng hàng hóa giao nhận thực tế tại kho của Bên mua với thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành việc giao hàng và xuất hóa đơn GTGT cho Bên A.

- Nếu ngày đến hạn thanh toán là các ngày thứ bảy, Chủ nhật, các ngày lễ theo quy định của Nhà nước thì ngày đến hạn là ngày làm việc kế tiếp.

- Quá thời hạn thanh toán, ngoài nợ gốc, Bên A phải thanh toán cho Bên B tiền lãi chậm trả tính trên phần nợ quá hạn theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Hồ Chí Minh cộng 3,0%/ năm. Thời gian chậm trả không quá 30 ngày. Nếu quá thời hạn trả chậm nợ quá hạn, Bên A vẫn chưa thanh toán cho Bên B, thì Bên A phải chịu lãi suất phạt bằng 150% lãi suất nợ quá hạn cho số tiền quá hạn.

3.4 Chứng từ thanh toán:

- Biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của đại diện cán bộ giao nhận hai bên.

- Hóa đơn tài chính do Bên B cấp.
- Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của lô hàng.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên B:

- Cung cấp kịp thời các thông tin về khả năng, giá bán từng thời điểm khi nhận được yêu cầu của bên A.
- Giao hàng cho bên A đủ số lượng, đúng chất lượng và đúng thời hạn theo quy định của Hợp đồng / Phụ lục hợp đồng.
- Đảm bảo rằng hàng hóa mua bán theo Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên B và cam đoan rằng hàng hóa hiện không có nguy cơ tranh chấp.
- Phát hành đầy đủ và kịp thời Hóa đơn GTGT điện tử và các tài liệu khác liên quan đến hàng hóa theo quy định của Hợp đồng.
- Trong quá trình giao hàng tại nhà máy của Bên A, Bên B phải bảo đảm rằng mọi nhân sự của Bên B và/ hoặc bên thứ ba theo chỉ định của bên B phải nghiêm chỉnh tuân thủ nội quy và quy trình nội bộ cũng như hướng dẫn của bên A. Trường hợp vi phạm mà gây tổn thất cho Bên A, thì Bên B cam kết sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A.

4.2 Trách nhiệm của Bên A

- Thông báo cho Bên B kế hoạch nhận hàng trước hai ngày làm việc; chuẩn bị kho bãi, nhân lực để tiếp nhận hàng.
- Phối hợp với Bên B để giao nhận hàng, bảo đảm giải phóng phương tiện nhanh chóng đúng tiến độ. Nếu xuống hàng chậm và/ hoặc kéo dài thời gian xuống hàng, Bên A phải chịu mọi chi phí đọng vốn, lưu xe do chậm xuống hàng gây ra.
- Thanh toán đúng thời hạn theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5: VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG:

5.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

5.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, phải bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia.

Phạt vi phạm giao nhận Hàng hóa:

- a) Nếu đến thời hạn giao Hàng hóa, mà Bên B không giao và/ hoặc giao không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên B phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị số Hàng hóa không giao và/ hoặc giao không đủ. Đồng thời, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác

(nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm. Tiền phạt, sẽ được trừ vào công nợ tại thời điểm thanh toán.

b) Nếu đến thời điểm giao Hàng hóa, mà Bên A từ chối nhận hàng và/ hoặc nhận không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên A phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị Hàng hóa mà Bên A từ chối nhận. Đồng thời, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 6: KHIẾU NẠI:

6.1 Bên B có trách nhiệm nhận lại hàng nếu hàng giao không đạt chất lượng như Điều 1 của Hợp đồng này. Trường hợp khiếu nại về chất lượng và số lượng: Bên A thông báo và gửi khiếu nại cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc giao nhận hàng tại kho Bên A.

6.2 Bên B phải giải quyết khiếu nại về chất lượng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại của Bên A. Việc giải quyết khiếu nại căn cứ vào kết quả kiểm tra của Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm và đo lường của NBS. Trường hợp Bên B muốn có chứng thư giám định của đơn vị độc lập, bên B có thể mời giám định SGS. Chi phí giám định và chi phí khiếu nại do bên có lỗi chịu.

6.3 Bên A có quyền dừng việc thanh toán cho Bên B nếu phát hiện hàng không đảm bảo chất lượng như cam kết của Điều 1 Hợp đồng này nhưng tổng số tiền dừng thanh toán không vượt quá 20% tổng trị giá hợp đồng.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG:

Trong trường hợp như hỏa hoạn, lụt lội, chiến tranh dẫn đến việc không thực hiện được toàn bộ hay một phần của Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng thì các bên sẽ được giải phóng trách nhiệm mà không bên nào có lỗi.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

8.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn phát sinh, hai bên sẽ kịp thời thông báo cho nhau và cùng nhau phối hợp giải quyết. Mọi tranh chấp phát sinh mà hai bên không tự thương lượng giải quyết được sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Phán quyết của toà án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên phải tuân thủ. Toàn bộ án phí do bên có lỗi chịu.

8.2 Mọi sửa đổi, bổ sung trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng phải được sự nhất trí của hai bên bằng phụ lục hợp đồng có chữ ký và dấu của hai bên. Phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của hợp đồng.

8.3 Hợp đồng được chấp nhận ký bằng bản fax hoặc bản gốc và được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

8.4 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có hiệu lực đến 31/12/2024 sau khi hai bên thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ ghi trong bản hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP

DỰ THẢO

Số: /HMC/PKD-TNB

Căn cứ Bộ Luật Dân sự, Bộ Luật Thương mại hiện hành của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của Chi Nhánh Nhơn Trạch – Công Ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL và Công Ty Cổ Phần Kim Khí Thành Phố Hồ Chí Minh – VNSTEEL.

Hôm nay, ngày tháng năm tại văn phòng Công Ty CP Kim Khí TP.HCM - Vnsteel, Chúng tôi gồm:

Bên A (Bên bán): CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH- VNSTEEL

Địa chỉ : 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Số GCNĐKDN : 0300399360 đăng ký lần đầu ngày 27/12/2005, thay đổi lần thứ 14 ngày 22/08/2022
Điện thoại : 028-38 294 623 – 028 38 244 155 Fax: 028 38 290 403
Tài khoản số : 111000004541 tại Vietinbank – Chi nhánh TP.HCM
3100009857 tại BIDV- Chi nhánh TPHCM
007.100.090.5566 tại VCB – Chi nhánh TPHCM
Mã số thuế : 0300399360
Người đại diện : Ông **VÕ TRÍ NGHĨA** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bên B (Bên mua): CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH-CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Việt Nam.
Số giấy phép ĐKKD: 0305393838-001 đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 10/05/2023.
Điện thoại : 2513.569.672 Fax: 2513.569.673
Tài khoản : 11 000000 5226 – NH Công Thương Việt Nam - CN1, TP.HCM.
Hoặc TK số : 31010 000 793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN TP.HCM
Mã số thuế : 0305393838-001
Người đại diện : Ông **NGUYỄN MINH TÍNH** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán phôi thép với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1 Các định nghĩa:

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a) Thời hạn Hợp đồng: Là khoảng thời gian mà các Bên có quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, bao gồm cả thời gian gia hạn Hợp đồng.
- b) Giá trị Hợp đồng: Là tổng giá trị Hàng hóa mà Bên B phải thanh toán đủ và đúng hạn cho Bên A cho những Hàng hóa mà Bên A đã cung cấp cho Bên B.

- c) Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng: Là văn bản sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng, theo đó quy định cụ thể về chủng loại Hàng hóa, giá Hàng hóa, thời gian, phương thức giao nhận Hàng hóa, khuyến mại và các vấn đề khác có liên quan đến việc mua bán Hàng hóa giữa hai Bên.
- d) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu/ bàn giao: Là văn bản được các Bên ký kết nhằm xác nhận số lượng Hàng hóa đã giao nhận, đã nghiệm thu theo thoả thuận của Hợp đồng này và các Phụ lục.
- e) Bí mật kinh doanh và tài sản sở hữu trí tuệ: Là thông tin, tài liệu, ý tưởng, kinh doanh, hình ảnh v.v... thể hiện hoặc lưu trữ dưới dạng văn bản, file máy tính, thư điện tử, hình ảnh v.v... mà mỗi bên có được và sở hữu hợp pháp.
- f) Thông tin bảo mật: Là những thông tin thuộc bí mật kinh doanh và tài sản, sở hữu trí tuệ nêu tại Hợp đồng, Phụ lục mà các Bên biết hoặc tiếp cận được trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.
- g) Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật: Là người tham gia trực tiếp hay gián tiếp vào việc thực hiện Hợp đồng của các Bên. Tuy vậy, các Bên thống nhất rằng thỏa thuận này còn được áp dụng cho tất cả nhân viên của các Bên không phải là “Người được phép nắm giữ thông tin bảo mật” nhưng vì lý do nào đó có thể biết hoặc tiếp cận được “Thông tin bảo mật”.
- h) “Bên” nghĩa là Bên A hoặc Bên B, và “Các Bên” nghĩa là Bên A và Bên B.

1.2 Giải thích:

- a) Các từ “của Hợp đồng này”, “trong Hợp đồng này” và “theo Hợp đồng này” và các từ có nội dung tương tự, khi được sử dụng trong Hợp đồng này, sẽ đề cập đến toàn bộ Hợp đồng này và không đề cập đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Hợp đồng này.
- b) Nếu có mâu thuẫn giữa nội dung của một điều, khoản, điểm hoặc mục với tiêu đề thì các nội dung của điều, khoản, điểm hoặc mục đó sẽ được áp dụng để giải quyết các vấn đề liên quan. Tiêu đề chỉ để tiện tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản, điểm hoặc mục hoặc các đoạn áp dụng của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2. THÔNG TIN HÀNG HÓA MUA BÁN

- 2.1 Hàng hóa mua bán: Bên A đồng ý bán cho Bên B các Hàng hóa là các loại **Phôi Thép** dựa theo nhu cầu của Bên B và khả năng cung cấp của Bên A. Thông tin chi tiết sẽ quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.
- 2.2 Khối lượng và Giá bán Hàng hóa: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm, nhưng không quá 3.000 tấn/tháng để có thể đảm bảo hạn mức dư nợ của Bên B không vượt quá 30.000.000.000 đồng/tháng tại thời điểm nhận hàng.

ĐIỀU 3. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA

3.1 Địa điểm giao hàng:

Hàng được giao trên phương tiện vận chuyển của Bên A tại kho Nhà máy Bên B tại Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.

3.2 Thời gian giao hàng: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

3.3 Căn cứ xác định khối lượng hàng hóa giao nhận làm cơ sở thanh toán:

Khối lượng Hàng hóa được xác định qua cân điện tử của Bên B và số thanh được đếm trực tiếp. Hai Bên lập Biên bản giao nhận Hàng hóa để xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”. Bên B có trách nhiệm cung cấp bảng tổng hợp phiếu cân Hàng hóa (qua cân điện tử Bên B) của từng xe hàng cho Bên A để hai Bên làm cơ sở xác định “Khối lượng Hàng hóa thanh toán”.

3.4 Thông báo giao nhận hàng hóa:

Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước về thông tin phương tiện vận chuyển, thành phần hoá học và thời gian dự kiến đến địa điểm giao hàng hóa để Bên B chuẩn bị tiếp nhận;

Bên A giao một lô/mẻ dao động từ 12 - 15 tấn.

3.5 Biên bản giao nhận Hàng hóa:

Ngay sau khi kết thúc việc giao nhận hàng hóa, các Bên sẽ tiến hành lập và ký kết Biên bản giao nhận hàng hóa để làm cơ sở cho việc thanh quyết toán, theo đó:

Đại diện bán hàng của Bên A và đại diện của Bên B sẽ trực tiếp ký kết Biên bản giao nhận ngay sau khi hoàn tất việc giao nhận hàng.

3.6 Quyền sở hữu hàng hóa: Thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa là thời điểm các Bên hoàn thành nghĩa vụ giao/ nhận Hàng hóa (căn cứ theo Biên bản giao/ nhận hàng hóa có chữ ký xác nhận của đại diện các Bên).

ĐIỀU 4. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ HÀNG HÓA KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG

Trường hợp sau khi giao hàng, Bên B phát hiện lỗi của hàng hóa (lỗi do sản xuất và/ hoặc do Bên A vận chuyển), việc xử lý các khiếu nại về hàng hóa được thực hiện theo quy định sau:

4.1 Khiếu nại hàng hóa không đạt chất lượng của Bên B (nếu có) sẽ được lập thành văn bản hoặc email để gửi cho Bên A trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày hoàn tất việc giao nhận Hàng hóa, ghi rõ và đầy đủ các thông tin về hàng hóa không đạt chất lượng.

4.2 Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại về chất lượng hàng hóa của Bên B, Bên A sẽ phản hồi việc tiếp nhận khiếu nại và tích cực tìm nguyên nhân, biện pháp xử lý hàng không đạt chất lượng cho Bên B.

4.3 Chi phí liên quan đến việc kiểm định hàng hóa không đạt chất lượng sẽ do Bên A chi trả (nếu có).

ĐIỀU 5. THANH TOÁN

Phương thức thanh toán:

5.1 Chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam (VND) theo thông tin tài khoản Bên A như đã đề cập ở trên.

5.2 Thời hạn thanh toán: Quy định cụ thể tại từng Phụ lục hợp đồng tại từng thời điểm.

5.3 Hồ sơ làm căn cứ quyết toán:

a) Biên bản giao nhận/ nghiệm thu Hàng hóa có xác nhận đại diện của hai bên;

- b) Hóa đơn giá trị gia tăng;
- c) Giấy chứng nhận chất lượng Hàng hóa ;
- d) Bảng kê chi tiết giao nhận hàng hoá (Bên B cung cấp);
- e) Bản bản đối chiếu công nợ (nếu có);
- f) Biên bản phạt vi phạm/ bồi thường (nếu có);

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

6.1 Nghĩa vụ của Bên A:

- a) Giao Hàng hóa đúng theo các nội dung đã được các Bên xác nhận trên Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng
- b) Xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Bên B theo đúng quy định.
- c) Chịu trách nhiệm về thông tin và chất lượng Hàng hóa cung cấp cho Bên B theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
- d) Người và phương tiện vận chuyển của Bên A khi đến giao Hàng hóa tại Nhà máy Bên B phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định AT-VSLĐ của Bên B. Trong trường hợp có sự bất đồng của các Bên, Bên B có quyền từ chối tiếp nhận phương tiện vào Nhà máy.
- e) Cung cấp đúng và đầy đủ các chứng từ pháp lý, chứng chỉ chất lượng của Hàng hóa theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất đi kèm các Hàng hóa được giao nhận cho Bên B khi có yêu cầu.

6.2 Quyền của Bên A:

- a) Tạm ngưng cung cấp Hàng hóa cho Bên B khi Bên B vi phạm nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng hoặc Đơn đặt hàng.
- b) Từ chối tham gia giải quyết những vướng mắc khi Bên B không tuân thủ theo đúng các điều khoản được nêu trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

7.1 Nghĩa vụ của Bên B:

- a) Nhận Hàng hóa theo đúng thỏa thuận tại Đơn đặt hàng/ Hợp đồng/ Phụ lục Hợp đồng.
- b) Bảo quản Hàng hoá sau khi nhận theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Bên A.
- c) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.
- d) Liên hệ trực tiếp với Lãnh đạo cao nhất của Phòng kinh doanh hoặc Người được ủy quyền hợp pháp của Bên A nếu trong quá trình giao dịch gặp phải các khó khăn, vướng mắc.

7.2 Quyền của Bên B:

Được quyền từ chối nhận Hàng hóa khi Bên A giao Hàng hóa không đúng tiêu chuẩn, yêu cầu.

ĐIỀU 8. VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 8.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng

đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

- 8.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, ngoài nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia, còn bị phạt vi phạm Hợp đồng bằng tám phần trăm (08%) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 9. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2024.

ĐIỀU 10. BẤT KHẢ KHÁNG

- 10.1 Bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên, khiến một/ các Bên không thể thực hiện nghĩa vụ/ chậm trễ thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng như: động đất, bão lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 10.2 Trách nhiệm của các Bên khi gặp sự kiện bất khả kháng: Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
 - Thông báo ngay cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng bảy (07) ngày sau khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng.
- 10.3 Nếu Bất khả kháng tiếp diễn trong thời kỳ liên tục vượt quá ba mươi (30) ngày, hai Bên sẽ thỏa thuận trong thời gian sớm nhất về việc tiếp tục thực hiện hoặc hủy bỏ Hợp đồng mà hai bên đều không có bất cứ khiếu nại nào đối với nhau.

ĐIỀU 11. THÔNG BÁO VÀ LIÊN LẠC

- 11.1 Thông báo với Bên còn lại phải được thể hiện dưới dạng email/ văn bản và phải được chuyển: (i) trao tận tay, hoặc (ii) gửi đảm bảo qua các công ty vận chuyển thư tín, hoặc (iii) thư điện tử (email) đến địa chỉ của Bên đó theo Hợp đồng.
- 11.2 Địa chỉ nhận Thông báo các Bên là địa chỉ tại phần đầu của Hợp đồng hoặc địa chỉ khác do các Bên thông báo bằng văn bản cho Bên kia theo từng thời gian.
- 11.3 Các thông báo được coi là đã nhận vào ngày thông báo đó (i) được chuyển tận tay và có chữ ký xác nhận của bên nhận, hoặc (ii) được gửi bằng email.
- 11.4 Các Bên có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại cùng với các tài liệu kèm theo trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi xảy ra mọi thay đổi làm ảnh hưởng đến việc thi hành các điều khoản của Hợp đồng này như: thay đổi tên, địa chỉ, người đại diện, loại hình doanh nghiệp; văn phòng giao dịch, người phụ trách.

ĐIỀU 12. BẢO MẬT THÔNG TIN

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các Bên cam kết thực hiện những nội dung sau:

- 12.1 Bảo mật thông tin của các Bên khi được Bên còn lại giao để triển khai Hợp đồng.
- 12.2 Không sử dụng, sao chép hay tạo mới các công việc hay Hàng hóa dựa trên các thông tin này vì mục đích khác ngoài phạm vi công việc theo Hợp đồng.
- 12.3 Không cung cấp Thông tin bảo mật cho bất kỳ ai hoặc Bên thứ ba khác biết khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên có quyền sở hữu với Thông tin bảo mật ngoại trừ việc cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 12.4 Cam kết không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của nhau trong quá trình thực hiện Hợp đồng liên quan theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 13. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 13.1 Các hoạt động liên quan đến việc mua bán Hàng hóa theo Hợp đồng này được ưu tiên áp dụng và điều chỉnh theo Luật thương mại Việt Nam hiện hành.
- 13.2 Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp thì hai bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác và cùng có lợi. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Mọi phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà các Bên phải tuân thủ. Bên thua sẽ phải chịu mọi án phí, bao gồm cả chi phí Luật sư của bên thắng và khoản phạt/ bồi thường theo phán quyết của Tòa án.

ĐIỀU 14. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 14.1 Bất cứ sửa đổi/ bổ sung nào đối với Hợp Đồng này đều phải lập thành văn bản, được đại diện có thẩm quyền của các Bên ký tên, đóng dấu mới có hiệu lực.
- 14.2 Các Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng phát sinh sau đó theo từng thời điểm là một phần không tách rời của Hợp đồng này. Điều khoản nào trong Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng mâu thuẫn với các điều khoản trong Hợp đồng này thì các điều khoản tại Đơn đặt hàng/ Phụ lục Hợp đồng sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 14.3 Không điều gì trong Hợp đồng này được hiểu là một Bên làm đại diện của Bên còn lại và không Bên nào có thẩm quyền ràng buộc Bên kia hoặc ký kết Hợp đồng dưới tên của Bên kia hoặc tạo ra trách nhiệm cho Bên kia bằng bất cứ cách thức nào.
- 14.4 Không có bất kỳ sự miễn trừ của một Bên nào về quyền lợi, chế tài theo Hợp đồng này có hiệu lực, trừ khi miễn trừ đó được lập thành văn bản và được các Bên ký kết. Việc một Bên chưa thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện một quyền hay áp dụng biện pháp chế tài theo Hợp đồng này sẽ không có nghĩa là Bên đó đã khước từ quyền của mình.
- 14.5 Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của một Bên, Bên còn lại không được chuyển nhượng, chuyển giao hoặc thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ nào của Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm.
- 14.6 Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN PHÔI THÉP

DỰ THẢO

Số: / /KKMT-TNB

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006.

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm tại huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, đại diện hai bên là:

Bên A (Bên bán) : CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ MIỀN TRUNG

- Do Ông : **NGUYỄN ANH HOÀNG** - Tổng giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : 69 Quang Trung, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng.
- Số giấy phép ĐKKD: **0400101605** đăng ký lần đầu ngày 28/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 24/09/2014
- Điện thoại : 2363.822.807. - Fax: 2363.823.306.
- Tài khoản : **0041.00000.1112** tại Ngân hàng Ngoại Thương- CN Đà Nẵng.
- Mã số thuế : **0400101605.**

Bên B (Bên mua) : CHI NHÁNH NHƠN TRẠCH-CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ-VNSTEEL

- Do Ông : **NGUYỄN MINH TÍNH** - Giám đốc làm đại diện.
- Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch II, Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Việt Nam.
- Số giấy phép ĐKKD: **0305393838-001** đăng ký lần đầu ngày 01/11/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 10/05/2023.
- Điện thoại : 2513.569.672 - Fax: 2513.569.673
- Tài khoản : 11 000000 5226 – NH Công Thương Việt Nam - CN1, Tp.HCM.
- Hoạch TK số : 31010 000 793619 – NH Đầu Tư và Phát Triển VN - CN Tp.HCM
- Mã số thuế : **0305393838-001**

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán phôi thép với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HOÁ, QUY CÁCH, SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, GIÁ CẢ, XUẤT XỨ

1.1 Hàng hóa:

- Hàng tháng, Bên A bán cho Bên B các sản phẩm phôi thép dựa theo nhu cầu của Bên B và khả năng cung cấp của bên A.
- Các sản phẩm phôi thép của bên A cung cấp được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN), tiêu chuẩn Nhật (JIS)
- Bên A cung cấp đầy đủ các thông số kỹ thuật, các chứng chỉ xuất xứ, chứng nhận chất lượng các sản phẩm của Bên A khi bên B yêu cầu.
- Yêu cầu về kỹ thuật:

- + Dung sai về chiều rộng: +/-2%
- + Chênh lệch đường chéo: 12mm max
- + Độ xoắn: 2 độ/mét max
- + Độ cong cho phép/*camber*: 10mm/m max
- + Bề mặt không bị nứt, gập nếp, hai đầu phôi không có rỉ co, phôi không rỉ bên trong
- + Đóng gói: Hàng rời theo tiêu chuẩn của nhà máy.
- + Đánh dấu: Số lô, số mẻ sản xuất được ghi rõ ở đầu mỗi thanh phôi.

- Xuất xứ: thể hiện theo từng Phụ lục hợp đồng được ký xác nhận bởi hai Bên.

1.2 Số lượng, quy cách:

Số lượng và quy cách sản phẩm phôi thép được xác định theo nhu cầu hàng tháng của bên B và khả năng cung cấp của Bên A, nhưng không quá 3.000 tấn/tháng. Cơ sở xác định trọng lượng: Là trọng lượng phôi thép thực tế theo cân điện tử tại Bên mua. Các bên sẽ cử đại diện giám sát việc giao nhận hàng và cùng ký xác nhận bằng Biên bản giao nhận hàng.

1.3 Đơn giá:

Đơn giá sẽ căn cứ theo thỏa thuận giữa hai Bên tại từng thời điểm và được thể hiện bằng Phụ lục hợp đồng được ký xác nhận bởi hai Bên.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN

2.1 Địa điểm giao hàng: Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty CP Thép Nhà Bè - KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

2.2 Phương thức giao hàng: Bên A giao hàng cho Bên B trên phương tiện vận tải của Bên A tại kho Bên B làm một/ nhiều đợt. Bên A có trách nhiệm thông báo thời gian và lượng hàng giao để Bên B bố trí người và phương tiện nhận hàng.

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Bên A đồng ý bán sản phẩm phôi thép cho bên B theo phương thức bán hàng tín chấp với hạn mức nợ không quá 45.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ đồng)

3.2 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

3.3 Thời hạn thanh toán:

- Giá trị hàng hóa được thanh toán theo từng đợt giao hàng dựa trên khối lượng hàng hóa giao nhận thực tế tại kho của Bên mua với thời hạn 10 ngày kể từ ngày Bên A hoàn thành việc giao hàng, xuất hóa đơn GTGT cho Bên B và Bên B nhận đầy đủ chứng từ thanh toán bán gốc.

- Nếu ngày đến hạn thanh toán là các ngày thứ bảy, Chủ nhật, các ngày lễ theo quy định của Nhà nước thì ngày đến hạn là ngày làm việc kế tiếp.

- Quá thời hạn thanh toán, ngoài nợ gốc, Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền lãi chậm trả tính trên phần nợ quá hạn theo lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng Ngoại thương Chi nhánh Hồ Chí Minh cộng 3,0%/ năm. Thời gian chậm trả không quá 30 ngày. Nếu quá thời hạn trả chậm nợ quá hạn, Bên B vẫn chưa thanh toán cho Bên A, thì Bên B phải chịu lãi suất phạt bằng 150% lãi suất nợ quá hạn cho số tiền quá hạn.

3.4 Chứng từ thanh toán:

- Biên bản giao nhận hàng hóa có xác nhận của đại diện cán bộ giao nhận hai bên.

- Hóa đơn tài chính do Bên A cấp.

- Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm của lô hàng.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A:

- Cung cấp kịp thời các thông tin về khả năng, giá bán từng thời điểm khi nhận được yêu cầu của bên B.
- Giao hàng cho bên B đủ số lượng, đúng chất lượng và đúng thời hạn theo quy định của Hợp đồng / Phụ lục hợp đồng.
- Đảm bảo rằng hàng hóa mua bán theo Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A và cam đoan rằng hàng hóa hiện không có nguy cơ tranh chấp.
- Phát hành đầy đủ và kịp thời Hóa đơn GTGT điện tử và các tài liệu khác liên quan đến hàng hóa theo quy định của Hợp đồng.
- Trong quá trình giao hàng tại nhà máy của Bên B, Bên A phải bảo đảm rằng mọi nhân sự của Bên A và/ hoặc bên thứ ba theo chỉ định của bên A phải nghiêm chỉnh tuân thủ nội quy và quy trình nội bộ cũng như hướng dẫn của bên B. Trường hợp vi phạm mà gây tổn thất cho Bên B, thì Bên A cam kết sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B.

4.2 Trách nhiệm của Bên B

- Thông báo cho Bên A kế hoạch nhận hàng trước hai ngày làm việc; chuẩn bị kho bãi, nhân lực để tiếp nhận hàng.
- Phối hợp với Bên A để giao nhận hàng, bảo đảm giải phóng phương tiện nhanh chóng đúng tiến độ. Nếu xuống hàng chậm và/ hoặc kéo dài thời gian xuống hàng, Bên B phải chịu mọi chi phí đọng vốn, lưu xe do chậm xuống hàng gây ra.
- Thanh toán đúng thời hạn theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

ĐIỀU 5: VI PHẠM VÀ PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG:

5.1 Vi phạm Hợp đồng: Là trường hợp một trong các Bên có hành vi vi phạm các điều khoản, nghĩa vụ tại Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng hoặc không đáp ứng được các điều kiện đảm bảo việc thực hiện Hợp đồng, trừ khi Bên vi phạm do Sự Kiện Bất Khả Kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để chấn chỉnh và đã khắc phục vi phạm đó trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng.

5.2 Phạt vi phạm Hợp đồng: Nếu Bên vi phạm Hợp đồng không chấm dứt ngay hành vi vi phạm và/ hoặc không khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm trong thời hạn được nêu ở thông báo của Bên bị vi phạm, thì Bên vi phạm, phải bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Bên kia.

Phạt vi phạm giao nhận Hàng hóa:

- a) Nếu đến thời hạn giao Hàng hóa, mà Bên A không giao và/ hoặc giao không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên A phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị số Hàng hóa không giao và/ hoặc giao không đủ. Đồng thời, Bên B có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm. Tiền phạt, sẽ được cần trừ vào công nợ tại thời điểm thanh toán.
- b) Nếu đến thời điểm giao Hàng hóa, mà Bên B từ chối nhận hàng và/ hoặc nhận không đủ số lượng Hàng hóa theo từng Đơn đặt hàng/ Phụ lục hợp đồng (ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bên B phải chịu mức phạt là tám phần trăm (08%) giá trị Hàng hóa mà Bên B từ chối nhận. Đồng thời, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và/ hoặc Phụ lục hợp đồng đang giao hoặc các Đơn đặt hàng/ Phụ lục khác (nếu có) mà không phải chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 6: KHIẾU NẠI:

6.1 Bên B có trách nhiệm nhận lại hàng nếu hàng giao không đạt chất lượng như Điều 1 của Hợp đồng này. Trường hợp khiếu nại về chất lượng và số lượng: Bên B thông báo và gửi khiếu nại cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn thành việc giao nhận hàng tại kho Bên B.

6.2 Bên A phải giải quyết khiếu nại về chất lượng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại của Bên B. Việc giải quyết khiếu nại căn cứ vào kết quả kiểm tra của Phòng Quản lý chất lượng sản phẩm và đo lường của bên B. Trường hợp Bên A muốn có chứng thư giám định của đơn vị độc lập, bên A có thể mời giám định SGS. Chi phí giám định và chi phí khiếu nại do bên có lỗi chịu.

6.3 Bên B có quyền dừng việc thanh toán cho Bên A nếu phát hiện hàng không đảm bảo chất lượng như cam kết của Điều 1 Hợp đồng này nhưng tổng số tiền dừng thanh toán không vượt quá 20% tổng trị giá hợp đồng.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG:

Trong trường hợp như hỏa hoạn, lụt lội, chiến tranh dẫn đến việc không thực hiện được toàn bộ hay một phần của Hợp đồng/ Phụ lục hợp đồng thì các bên sẽ được giải phóng trách nhiệm mà không bên nào có lỗi.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

8.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn phát sinh, hai bên sẽ kịp thời thông báo cho nhau và cùng nhau phối hợp giải quyết. Mọi tranh chấp phát sinh mà hai bên không tự thương lượng giải quyết được sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Phán quyết của toà án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên phải tuân thủ. Toàn bộ án phí do bên có lỗi chịu.

8.2 Mọi sửa đổi, bổ sung trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng phải được sự nhất trí của hai bên bằng phụ lục hợp đồng có chữ ký và dấu của hai bên. Phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của hợp đồng.

8.3 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2023. Sau 30 ngày kể từ ngày hai bên đã hoàn tất các nghĩa vụ của mình và không có tranh chấp xảy ra thì hợp đồng mặc nhiên thanh lý.

8.4 Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá 14 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 15/12/2007, sửa đổi bổ sung tháng 05/10/2022;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày tháng năm 2024,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và định hướng nhiệm vụ năm 2024 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, ____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành. Với các chỉ tiêu chính:

- Sản lượng sản xuất thép cán đạt 94.486 tấn/ Kế hoạch 115.000 tấn, đạt 82,52%
- Sản lượng tiêu thụ 95.613 tấn/ Kế hoạch 115.000 tấn, đạt 83,14 %
- Doanh thu: 1.447,636 tỷ đồng, đạt 89,92 % kế hoạch
- Lợi nhuận trước thuế: 2,818 tỷ đồng

Điều 2. Thông qua Báo cáo thẩm tra của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động Công ty trong năm 2023, ____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán của Công ty, ____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

Điều 4, Thông qua quyết toán thực hiện tiền lương, thù lao của thành viên HĐQT và BKS năm 2023. Kế hoạch tiền lương, thù lao thành viên HĐQT và BKS năm 2024. ____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

Điều 5. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2023. ____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

Điều 6. Thống nhất với Tờ trình về kế hoạch SXKD - Tài chính - Tiền lương và Đầu tư năm 2024, với ____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

6.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

- Sản xuất: 95.000 tấn thép cán
- Tiêu thụ: 95.000 tấn thép cán

6.2. Kế hoạch tài chính

- Doanh thu: 1.477 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế: 03 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế: 2,4 tỷ đồng;
- Tỷ suất LNST/Vốn CSH: 1,35%
- Tỷ suất LNST/Tổng tài sản: 6,60%
- Dự kiến chia cổ tức bằng tiền mặt: 0%

6.3 Kế hoạch đầu tư mua sắm nâng cấp TSCĐ:

STT	Tên thiết bị, phương tiện	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Cụm đếm tách thép thanh	Tr. đồng	2.500	
2	Xe ô tô 05 chỗ ngồi	Tr. đồng	1.600	
TỔNG		Tr. đồng	4.100	

- Tổng mức đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ: 4,1 tỷ đồng.
- Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu.

Điều 7. Thông qua một số Tờ trình khác.

7.1. Tờ trình Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt hợp đồng mua bán và hạn mức tín chấp bán hàng, với _____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

- Hợp đồng mua bán có giá trị hợp đồng (bao gồm cả dư nợ tín chấp) $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản công ty và hợp đồng mua bán với các Công ty có liên quan (Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam, Công ty cổ phần Thép Biên Hòa-VNSTEEL, Công ty cổ phần Thép Thủ Đức-VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí TP.HCM – VNSTEEL, Công ty CP Kim Khí Miền Trung).
- Hạn mức tín chấp bán hàng: 150 tỷ đồng đối với Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL.

7.2. Tờ trình ủy quyền cho HĐQT Công ty phê duyệt thế chấp tài sản Công ty với các ngân hàng, với _____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

- Thế chấp tài sản công ty có giá trị nguyên giá $\geq 35\%$ tổng giá trị tài sản của Công ty với các ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng.

Điều 8 . Thông qua Tờ trình về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2024, Đại hội thống nhất lựa chọn một trong những công ty kiểm toán độc lập trong danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho đơn vị trong năm 2024

Với _____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

Điều 9. Thông qua Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024. _____ tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội tán thành.

Điều 10. Đại hội nhất trí giao cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm cụ thể hoá Nghị quyết của Đại hội, lập ra chương trình hành động phần đầu hoàn thành kế hoạch

sản xuất kinh doanh năm 2024 và các nội dung đã được Đại hội quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Điều 11. Giao cho Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội, đảm bảo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 20/03/2024./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông TNB;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- Lưu: VT, Người PTQT công ty.

Lê Việt